

Bản án số: 12/2020/HNGĐ-ST

Ngày 08-5-2020

V/v: Ly hôn giữa

Anh T và chị N

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HUNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Bình

2. Bà Phạm Thị Huệ

- **Thư ký phiên toà:** Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình** tham gia phiên tòa: Ông Lưu Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Q định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phan Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1988 (Chị N bị tâm thần phân liệt thể paranoid).

Đăng ký HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. *Người đại diện theo pháp luật cho chị N:* Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1965, là bố đẻ chị N.

Địa chỉ: Thôn N, xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

(Anh T, chị N và ông D đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Phan Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh kết hôn với chị N là do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) xã Đ, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái

Bình vào ngày 20-12-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng tính tình không hợp, anh hay say rượu nên trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi nhau. Năm 2015, chị N thường xuyên mất ngủ có biểu hiện bệnh tâm thần, anh và gia đình bố mẹ vợ đã đưa chị N đi điều trị tại bệnh viện Tâm thần tỉnh Thái Bình. Sau khi điều trị bệnh ổn định, chị N về chung sống cùng anh được thời gian ngắn thì chị N bỏ về bố mẹ đẻ ở thôn N, xã Đ sinh sống, thỉnh thoảng anh đến thăm chị N và vợ chồng vẫn quan hệ tình cảm. Năm 2018, anh và chị N chấm dứt mọi quan hệ và sống ly thân nhau từ đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, anh đề nghị Tòa án giải Q cho anh ly hôn chị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013 và Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017, khi ly hôn anh xin được trực tiếp nuôi cháu M, nhường cho chị N nuôi cháu Q, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản: Anh và chị N không có tài sản chung, không vay nợ ai.

Tại bản tự khai ngày 18-02-2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Vợ chồng chị kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 20-12-2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T thường xuyên rượu chè say xỉn, đánh đập chị khiến chị suy nghĩ căng thẳng, thường xuyên đau đầu, mất ngủ. Năm 2015, chị phải điều trị tại bệnh viện Tâm thần tỉnh Thái Bình, sau khi điều trị bệnh ổn định, chị về chung sống cùng anh T được một thời gian ngắn thì vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, thỉnh thoảng anh T đến thăm chị và vợ chồng vẫn quan hệ tình cảm. Năm 2018, chị và anh T chấm dứt mọi quan hệ và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh T có đơn khởi kiện ly hôn, chị đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013 và Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017. Từ khi sống ly thân, anh T trực tiếp nuôi cháu M, chị trực tiếp nuôi cháu Q, nếu ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Q và nhường anh T nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về chia tài sản: Không có; nợ chung: không có.

Chị đã được Bệnh viện Tâm thần tỉnh Thái Bình cấp sổ điều trị ngoại trú tâm thần với chẩn đoán: “Tâm thần phân liệt, thể Paranoid (F20)” từ tháng 11 năm 2016, thời gian đầu chị phải dùng thuốc do trạm y tế xã Đ cấp nhưng từ năm 2017 bệnh của chị ổn định nên chị không dùng thuốc điều trị tâm thần. Từ

tháng 3-2019, chị làm công nhân tại công ty TNHH đầu tư và kinh doanh tổng hợp Tiến Dũng đóng trên địa bàn xã H, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình, thu nhập bình quân từ 4.000.000đồng đến 5.000.000đồng/tháng. Hiện tại bệnh của chị đã ổn định, không phải dùng thuốc điều trị nên chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ trợ cấp khó khăn cho chị.

Tại bản tự khai ngày 18-02-2020 và trong quá trình xét xử, ông Nguyễn Văn Dtrình bày:

Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn do hai bên tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào tháng 12-2011, lúc đó chị N khỏe mạnh không có bệnh tật gì. Sau khi kết hôn, các cháu sống hòa thuận đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do anh T hay uống rượu say xỉn, dẫn đến vợ chồng đánh cãi nhau, chị N suy nghĩ căng thẳng dẫn đến rối loạn thần kinh mất ngủ. Sau đó gia đình ông và anh T đã đưa chị N đi điều trị tại bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình nhiều đợt, anh T có thăm hỏi, hỗ trợ một phần nhỏ kinh phí điều trị còn chủ yếu là gia đình ông lo cho chị N. Chị N đã về sinh sống tại gia đình ông từ tháng 9-2015, thỉnh thoảng anh T có đến gia đình ông thăm chị N, vợ chồng chị N và anh T sống ly thân từ năm 2018. Nay anh T có đơn khởi kiện ly hôn chị N, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh T và chị N.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị N và anh T có 02 con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013 và Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017, nếu ly hôn đề nghị Tòa giải Q cho chị N nuôi cháu Q và để anh T nuôi cháu M, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Mặc dù chị N đã được cấp sổ tâm thần phân liệt nhưng từ khi mang thai và sinh con thứ hai bệnh tâm thần của chị N ổn định, không phải dùng thuốc điều trị hàng tháng, chị N đã đi làm công nhân từ tháng 3-2019, thu nhập trung bình từ 4.000.000đồng đến 5.000.000đồng/tháng.

Về chia tài sản: Không có; nợ chung: không có.

Ông không yêu cầu anh T phải thực hiện nghĩa vụ trợ cấp khó khăn cho chị N.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, các đương sự đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho anh Phan Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị N; về nuôi con chung: Giao cho anh T trực tiếp nuôi con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013, chị N trực tiếp nuôi con chung là Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017, hai bên không phải thực hiện nghĩa vụ cấp

dưỡng nuôi con; về chia tài sản: Anh T và chị N không có tài sản chung. Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải Q vụ án:* Anh Phan Văn T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con chung với chị Nguyễn Thị N. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”. Chị N hiện nay có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Điệp Nông, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Anh T và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 20-12-2011. Căn cứ vào sổ điều trị ngoại trú tâm thần đối với chị Nguyễn Thị N do Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình cấp vào tháng 11 năm 2016 và lời khai của các đương sự đều thể hiện chị N bị bệnh tâm thần từ năm 2015. Như vậy, tại thời điểm anh T và chị N đăng ký kết hôn thì chị N hoàn toàn khỏe M không bị bệnh tâm thần nên xác định việc anh T và chị N kết hôn không vi phạm Luật hôn nhân và gia đình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng tính tình không hợp, anh T thường xuyên uống rượu say, trong cuộc sống vợ chồng đã xảy ra đánh cãi nhau dẫn đến chị N suy nghĩ mất ngủ, rối loạn thần kinh và phải điều trị bệnh tâm thần từ năm 2015, vợ chồng chị N và anh T sống ly thân từ năm 2018. Nay anh T và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, anh T khởi kiện ly hôn, chị N cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy: Vợ chồng anh T và chị N mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho anh T và chị N ly hôn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Anh T và chị N có 02 con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013 và Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M và chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Mặc dù chị N được Bệnh viện tâm thần tỉnh Thái Bình cấp sổ điều trị tâm thần ngoại trú từ tháng 11 năm 2016 nhưng chị N chỉ bị tâm thần ở thể nhẹ, hiện tại chị N khỏe M, làm công nhân có thu nhập ổn định, chăm sóc và nuôi dưỡng con tốt. Nay anh T, chị N và ông D đều thống nhất để anh T tiếp tục nuôi cháu M và chị N tiếp tục nuôi cháu Q, đôi bên không phải thực hiện nghĩa vụ

cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

[5] Về chia tài sản: Anh T và chị N không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải Q.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa anh Phan Văn T và chị Nguyễn Thị N.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Phan Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phan Tiến M, sinh ngày 25-6-2013; chị N trực tiếp nuôi con chung là Phan Thế Q, sinh ngày 27-8-2017. Anh T và chị N không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T và chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về chia tài sản*: Anh T và chị N không có tài sản chung.

4. *Về án phí*: Anh Phan Văn T phải chịu 300.000đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005903 ngày 18-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T, chị N và ông D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Thị Chuyên